

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-9-2020.

V/v : Không công nhận quan hệ vợ
chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phơ

2. Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Châu Si Ph (tên gọi khác là Ch)**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, Khu vực C, phường H, thị xã N, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Bà **Dương Thị Xuân H**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường L, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Châu Si Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 5 năm 1987 ông Châu Si Ph và bà Dương

Thị Xuân H chung sống với nhau như vợ chồng, được gia đình hai bên chứng kiến nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng là tự nguyện và không có ai ép buộc. Thời gian đầu, ông bà sống chung hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2001 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày mà chủ yếu là do thu nhập kinh tế của gia đình không ổn định. Do đó vào năm 2001 ông Ph đã bỏ đi làm ăn xa và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông Châu Si Ph và bà Dương Thị Xuân H là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Châu Si Ph và bà Dương Thị Xuân H có 02 người con chung tên Châu Hoàng D (nam), sinh ngày 14/9/1988 và Châu Ngọc Y (nữ), sinh ngày 21/10/1990. Hiện nay hai con Châu Hoàng D, Châu Ngọc Y đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị Xuân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H thống nhất với lời trình bày của ông Ph là đúng. Vào tháng 5 năm 1987 bà Dương Thị Xuân H và ông Châu Si Ph chung sống với nhau như vợ chồng, được gia đình hai bên chứng kiến nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng là tự nguyện và không có ai ép buộc. Thời gian đầu, ông bà sống chung hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2001 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày mà chủ yếu là do thu nhập kinh tế của gia đình không ổn định. Do đó vào năm 2001 ông Ph đã bỏ đi làm ăn xa và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Từ năm 2001 đến nay ông, bà đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó ông Ph yêu cầu Tòa án không công nhận ông Ph và bà H là vợ chồng thì bà H đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Dương Thị Xuân H và ông Châu Si Ph có 02 người con chung tên Châu Hoàng D (nam), sinh ngày 14/9/1988 và Châu Ngọc Y (nữ), sinh ngày 21/10/1990. Hiện nay hai con Châu Hoàng D, Châu Ngọc Y đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu

thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Si Ph và bà Dương Thị Xuân H sống chung với nhau tháng 5 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông bà sống chung hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2001 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày mà chủ yếu là do thu nhập kinh tế của gia đình không ổn định. Do đó vào năm 2001 ông Ph đã bỏ đi làm ăn xa và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Từ năm 2001 đến nay ông, bà đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay ông Ph và bà Hyêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận ông, bà là vợ chồng. Xét thấy ông Ph và bà H sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc khác, Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Nên việc ông Châu Si Ph yêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông và bà Dương Thị Xuân H là vợ chồng là có căn cứ.

Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Châu Si Ph và bà Dương Thị Xuân H là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Châu Si Ph và bà Dương Thị Xuân H đều trình bày trong quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Châu Hoàng D (nam), sinh ngày 14/9/1988 và Châu Ngọc Y (nữ), sinh ngày 21/10/1990. Hiện nay hai con Châu Hoàng D, Châu Ngọc Y đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Châu Si Ph và bà Dương Thị Xuân H đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Châu Si Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Si Ph:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Châu Si Ph và bà Dương Thị Xuân H là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Anh Châu Hoàng D (nam), sinh ngày 14/9/1988 và chị Châu Ngọc Y (nữ), sinh ngày 21/10/1990. Hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Châu Si Ph và bà Dương Thị Xuân H đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Si Ph phải chịu số tiền là 300.000 đồng; Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Ph đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004488 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, ông Ph đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan